TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/DS – ST Ngày: 28/9/2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thế chấp tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc và ông Phạm Ngọc Thiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST - DS ngày 18/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST- DS, ngày 07/9/2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 19/2023/QĐST- DS, ngày 22/9/2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 20/2023/QĐST- DS, ngày 26/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Văn Toàn**,** Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện TC, tỉnh Sơn La.

Người được ủy quyền lại cho ông: Nguyễn Ngọc Thành; Chức vụ: Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện TC. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn huyện TC, tỉnh Sơn La. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H. (Đều có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Đều trú tại tiểu khu 8, thị trấn huyện TC, huyện TC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thônthôn Việt Nam trình bày:

Ngày 15/3/2019 bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H ký Hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC vay với số tiền vay vốn là 800.000.000 đồng, giải ngân ngày 15/3/2019. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 12,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh và tự động điều chỉnh theo thông báo thay đổi về lãi suất cho vay của Ngân hàng từng thời điểm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ hạn trả nợ gốc 03 tháng/kỳ vào ngày 25 các tháng 3, 6, 9 12 tương ứng với số tiền 30.000.000 đồng/ kỳ, phần còn lại trả vào kỳ cuối; kỳ hạn trả lãi (cùng với kỳ trả nợ gốc).

Bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H và ngân hàng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 19TD15031.1/HĐTC/HĐTC ký ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 111910; Số vào sổ cấp GCN: CS 00025 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 27/02/2019 cho ông Phạm Mạnh, bà Lê Thị Lan H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019 đã ký, đến ngày 1/5/2023 bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H đã trả nợ gốc 346.000.000 đồng, trả nợ lãi đến ngày 28/10/2021 số tiền là 208.766.000 đồng. Bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC, số tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 127.530.000 đồng, trong đó lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng.

Ngày 28/10/2020 bà Lê Thị Lan H ký Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC, với số tiền vay vốn là 300.000.000 đồng, giải ngân ngày 07/7/2021. Thời hạn cho vay là 08 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay), lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; kỳ hạn trả nợ gốc 07/3/2022; kỳ hạn trả lãi vào ngày 30/9/2021, 30/12/2021, 07/3/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD ngày 28/10/2020 đã ký, ngày 15/7/2022 bà Lê Thị Lan H đã trả nợ lãi số tiền là 8.424.657 đồng. Bà Lê Thị Lan H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển

Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC, số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 80.380.000 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 57.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.380.0000 đồng).

Đến hạn trả nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019 đã ký, ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi, khoản vay của ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H đã bị chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 08 tháng 3 năm 2022. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC đã nhiều lần đôn đốc ông Phạm Mạnh H, bà Hương thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đến hạn trả nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD ngày 28/10/2020 đã ký, bà Lê Thị Lan H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi, khoản vay của bà Lê Thị Lan H đã bị chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 08 tháng 3 năm 2022. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC đã nhiều lần đôn đốc bà Hương thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H trả nợ tổng số tiền dư nợ đến ngày 28/9/2023 là 581.530.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng, nợ lãi là 127.530.000 đồng, trong đó lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng theo hợp đồng số 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Lan H trả nợ tổng số tiền dư nợ đến ngày 28/9/2023 là 380.380.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 80.380.000 đồng theo Hợp đồng số TT28.10/2020/HĐTD ngày 28/10/2020.

Ông Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H không trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thônViệt Nam yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số CI CI 111910; Số vào sổ cấp GCN: CS 00025 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 27/02/2019 theo Hợp đồng thế chấp số 19TD15031.1/HĐTC/HĐTC ngày 15/3/2019.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H trình bày:

Bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H thừa nhận vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC: Ngày 15/3/2019 vay số tiền 800.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD, ngày 15/3/2019. Quá trình thực hiện Hợp đồng, đến ngày 1/5/2023 bà Lê Thị Lan H và

ông Phạm Mạnh H đã trả nợ gốc 346.000.000 đồng, trả nợ lãi đến ngày 28/10/2021 số tiền là 208.766.000 đồng. Bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC, số tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 127.530.000 đồng, trong đó lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng.

Ngày 28/10/2020 bà Lê Thị Lan H thừa nhận vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC số tiền 300.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD , ngày 28/10/2020.Quá trình thực hiện Hợp đồng, ngày 15/7/2022 bà Lê Thị Lan H đã trả nợ lãi số tiền là 8.424.657 đồng. Bà Lê Thị Lan H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC, số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/9/2023 là là 80.380.000 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 57.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.380.0000 đồng).

Bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H khai nhận không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng như đã ký kết trong hợp đồng; bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H cho biết là đang gặp khó khăn về kinh tế và mong muốn được trả nợ dần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gồm nợ gốc, nợ lãi, nợ quá hạn cho Ngân hàng và tiếp tục được thực hiện hợp đồng như đã ký kết.

Bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H thừa nhận để đảm bảo cho khoản vay ngày 15/3/2019 số tiền 800.000.000 đồng. Bà Lê Thị Lan H, ông Phạm Mạnh H và ngân hàng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 19TD15031.1/HĐTC/HĐTC ký ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 111910; Số vào sổ cấp GCN: CS 00025 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 27/02/2019 cho ông Phạm Mạnh, bà Lê Thị Lan H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 07/9/2023, ngoài những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thônViệt Nam – chi nhánh huyện TC đã giao nộp, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Kết quả xem xét thẩm định ngày 30/8/2023 của Hội đồng xem xét thẩm định đất và tài sản trên đất:

Diện tích đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 111910, vào sổ cấp GCN: CS 00025 tại tiểu khu 8, thị trấn TC, huyện TC tỉnh Sơn La gồm có thửa đất số 163 và thửa 164, tờ bản đồ số 10. Tổng diện 428,4m^2, trong đó đất ở tại đô thị (ODT) là 300m^2, đất trồng cây lâu năm (CLN) là 128,4m^2; các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất: không thay đổi.

Tài sản, trên đất gồm 01 nhà xây 02 tầng 01 tum, diện tích sàn 180m^2; 01 nhà cấp bốn, tường 10, mái lợp tôn, diện tích sàn 15m^2; 01 nhà vệ sinh ngoài trời, diện tích sàn 09m^2; 01 nhà kho mái lợp tôn, khung cột thép hình, diện tích sàn 114m^2; một nhà kho đầu hồi nhà, kết cấu xây tường 10, mái lợp tôn, diện tích 11m^2.

Tường rào xây gạch 110, chiều dài 16,5m^2, cổng thép hộp, mái lợp ngói, trụ 50 x 50 ốp gạch, chiều rộng 6,3m$^{2.}$

Sân lát gạch gốm, diện tích 99m^2.

Ngoài tài sản như đã nêu trên thì không còn tài sản gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tổng số tiền là 581.530.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng, nợ lãi là 127.530 đồng, trong đó lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng theo Hợp đồng số 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019.

Buộc bà Lê Thị Lan H trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tổng số tiền 380.380.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 80.380.000 đồng theo Hợp đồng số TT28.10/2020/HĐTD ngày 28/10/2020.

Trường hợp trả không đủ, hoặc không trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam được quyền đề nghị phát mại tài sản bảo đảm, nếu tài sản phát mại không đủ số tiền thanh toán thì bị đơn ông Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H tiếp tục thanh toán khoản nợ trên đến khi tất toán.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thônViệt Nam được chấp nhận, bị đơn ông Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ chứng minh có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam: Người đại diện theo pháp luật Phạm Toàn Vượng, Chức vụ: Tổng giám đốc có ủy quyền cho ông Phạm Văn Toàn**,** Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện TC, tỉnh Sơn La, ông Toàn có ủy quyền toàn bộ lại cho ông Nguyễn Ngọc Thành; Chức vụ: Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện TC tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền trên là có căn cứ, đúng pháp luật; Căn cứ Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H có hộ khẩu thường trú tại Tiểu khu 8, thị trấn huyện TC, tỉnh Sơn La, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Xét hợp đồng vay tài sản:**

Xét yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam: Yêu cầu ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD, ngày 15/3/2019.

Ông Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 800.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019 đã ký, đến ngày 1/5/2023 bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H đã trả nợ 346.000.000 đồng, trả nợ lãi đến ngày 28/10/2021 số tiền là 208.766.000 đồng. Bà Lê Thị Lan H và ông Phạm Mạnh H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện TC, số tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 127.530.000 đồng, trong đó lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng.

Về yêu cầu trả nợ gốc: Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H trả nợ số tiền nợ gốc còn lại 454.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD, ngày 15/3/2019.

Xét thấy: Bên vay tài sản phải trả đủ tiền khi đến hạn, việc ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H đến kỳ hạn trả nợ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, việc Ngân hàng yêu cầu ông Phạm

Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải trả nợ số tiền gốc, là có căn cứ. Buộc ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải trả ngân hàng số tiền gốc 454.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H trả nợ lãi của của số tiền gốc 454.000.000 đồng, tiền lãi tính đến 28/9/2023 tổng số tiền 127.530.000 đồng; Trong đó nợ lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn là 11.940.000 đồng.

Lãi xuất do các bên thoả thuận tại hợp đồng tín dụng 19TD1503.1/HĐTD, ngày 15/3/2019 là 10,5%/năm; Lãi xuất quá hạn 150% lãi xuất cho vay; Lãi chậm trả 10%/năm.

Xét thấy: Lãi xuất do các bên thoả thuận tại hợp đồng 10,5%/năm, không vượt qua 20%/năm, lãi xuất phù hợp với quy định pháp luật, yêu cầu tiền lãi của Ngân hàng có căn cứ pháp luật. Buộc ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải trả tiền lãi cho Ngân hàng số tiền 127.530.000 đồng; Trong đó nợ lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng.

Căn cứ các Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Từ các căn cứ trên: Buộc ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải trả nợ Ngân hàng cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số: 19TD1503.1/HĐTD, ngày 15/3/2019 tổng số tiền: 581.530.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng, nợ lãi là 127.530 đồng, trong đó lãi trong hạn 115.590.000 đồng, lãi quá hạn 11.940.000 đồng.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu của Ngân hàng: Yêu cầu bà Lê Thị Lan H trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD, ngày 28/10/2020.

Ngày 28/10/2020 đã ký, ngày 15/7/2022 bà Lê Thị Lan H đã vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD (hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm).

Về yêu cầu trả nợ gốc: Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Lan H trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tại Hợp đồng tín dụng số TT28.10/2020/HĐTD (hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm).

Xét thấy: Bên vay tài sản phải trả đủ tiền khi đến hạn, việc bà Lê Thị Lan H đến kỳ hạn trả nợ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, việc Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Lan H phải trả nợ số tiền gốc, là có căn cứ. Buộc bà Lê Thị Lan H phải trả ngân hàng số tiền gốc 300.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu bà Lê Thị Lan H trả nợ lãi của của số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/9/2023 tổng số tiền 80.380.000 đồng; Trong đó nợ lãi trong hạn 57.000.000 đồng, lãi quá hạn là 23.380.000 đồng.

Lãi xuất do các bên thoả thuận tại hợp đồng tín dụng 19TD1503.1/HĐTD, ngày 15/3/2019 là 10,5%/năm; Lãi xuất quá hạn 150% lãi xuất cho vay; Lãi chậm trả 10%/năm.

Xét thấy: Lãi xuất do các bên thoả thuận tại hợp đồng 10,5%/năm, không vượt qua 20%/năm, lãi xuất phù hợp với quy định pháp luật, yêu cầu tiền lãi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có căn cứ pháp luật. Buộc bà Lê Thị Lan H phải trả tiền lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Việt Nam số tiền 80.380.000 đồng; Trong đó nợ lãi trong hạn 57.000.000 đồng, lãi quá hạn là 23.380.000 đồng.

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Từ các căn cứ trên: Buộc bà Lê Thị Lan H phải trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển thôn Nông Việt Nam cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số: TT28.10/2020/HĐTD, ngày 28/10/2020. Tổng số tiền: 380.380.000 đồng trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 80.380.000 đồng; (nợ lãi trong hạn 57.000.000 đồng, lãi quá hạn là 23.380.000 đồng).

Căn cứ các Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[4] *Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:* Để đảm bảo Hợp đồng vay tài sản số: 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H ký Hợp đồng thế chấp số: 19TD15031.1/HĐTC/HĐTC ký ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 111910; Số vào sổ cấp GCN: CS 00025 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 27/02/2019 cho ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Xét thấy ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H dùng tài sản thuộc sở hữu của mình (Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ; hợp đồng thế chấp được các bên ký kết, công chứng, chứng thực và đăng ký đảm bảo quy định pháp luật.

Ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ đối với Hợp đồng tín dụng số 19TD15031.1/HĐTC/HĐTC ký ngày 15/3/2019 thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thônViệt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện TC xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 19TD15031.1/HĐTC/HĐTC ký ngày 15/3/2019 theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì ông Phạm Mạnh H và bà Lê Thị Lan H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam đến khi trả nợ xong.

Căn cứ Điều 292; Điều 299; Điều 303; 317, 318; 319; Điều 320; Điều 323; Điều 500; Điều 501; Điều 502; Điều 503 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 292, Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320; Điều 322; Điều 323; Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Điều 470; Điều 500; Điều 501; Điều 502; Điều 503 của Bộ luật dân sự.

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 85; Điều 86; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Buộc ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ tại hợp đồng số: 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019.

Tổng số tiền 581.530.000 đồng đồng (Năm trăm tám mươi mốt triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng); Trong đó tiền nợ gốc là 454.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng). Tiền lãi 127.530 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tính đến ngày 28/9/2023; trong đó: (nợ lãi trong hạn là 115.590.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.940.000 đồng).

3. Buộc bà Lê Thị Lan H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ tại hợp đồng số: TT28.10/2020/HĐTD. Tổng số tiền gốc và lãi là 380.380.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 28/9/2023 số tiền là 80.380.000 đồng (tám mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó: (nợ lãi trong hạn 57.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.380.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau xét xử sở thẩm (ngày 28/9/2023) ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc, nợ lãi theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số: 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019 thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản thế chấp của ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H đã thế chấp tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ đối với hợp đồng tín dụng số 19TD1503.1/HĐTD ngày 15/3/2019 cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thônViệt Nam, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 19TD15031.1/HĐTC ký ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 111910; Số vào sổ cấp GCN: CS 00025 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 27/02/2019 cho ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam đến khi hết nợ.

3. Về án phí: Ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.261.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Bà Lê Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.019.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm mười chín nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003436, ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam; bị đơn ông Phạm Mạnh H, bà Lê Thị Lan H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/9/2023)./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng